TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 631/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 29-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Năm**

2. Bà **Nguyễn Thanh Vân**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lê Ngọc Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Tuyết Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1984; cư trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1984; cư trú tại: Đường V, Phường K, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại 6, Trại giam Thủ Đức – Tổng cục VIII – Bộ Công an.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân Phường K,

Quận H. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T lại thường xuyên vi phạm pháp luật trộm cắp tài sản, tái phạm nhiều lần và hiện đang phải chấp hành hình phạt tù 13 năm 9 tháng tại Trại giam Thủ Đức. Nay, chị D nhận thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Diệp Thanh U, sinh ngày 16/5/2007, hiện đang sống cùng với chị D. Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2018, ngày 25/5/2018 thì bị đơn – anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh và chị D chung sống có đăng kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên, hiện anh đang chấp hành hình phạt 13 năm 9 tháng tù tại Trại giam Thủ Đức nên chị D xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Diệp Thanh U, sinh ngày 16/5/2007. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn, chị D yêu cầu ly hôn với anh T, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Bị đơn cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – chị D, bị đơn – anh T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/CNKH, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2007, cùng lời khai của chị D, anh T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Chị D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và anh T cũng đồng ý. Mặt khác, hiện anh T đang phải chấp hành hình phạt tù 13 năm 9 tháng tại Trại giam Thủ Đức, Hàm Tân, Bình Thuận nên vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Diệp Thanh U, sinh ngày 16/5/2007. Sau khi ly hôn, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi con. Anh T đồng ý yêu cầu này của chị D. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 02/CNKH, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/2007).

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Diệp Thanh U, sinh ngày 16/5/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014293 ngày 09/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường K, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Đặng Thị Kim Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**